

TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN TRẦN ĐỀ
TỈNH SÓC TRĂNG

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc

Bản án số: 74/2024/HNGĐ-ST.

Ngày: 26/7/2024.

V/v Ly hôn và tranh chấp nuôi con khi ly hôn.

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN TRẦN ĐỀ, TỈNH SÓC TRĂNG

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Lý Công Minh.

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Ông Thạch Văn Mến

2. Bà Hà Ngân Kim Tới

- Thư ký phiên tòa: Bà Lý Thị Qual - Thư ký Tòa án nhân dân huyện Trần Đề, tỉnh Sóc Trăng.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Trần Đề, tỉnh Sóc Trăng tham gia phiên tòa: Bà Lê Thị Bích Ngọc - Kiểm sát viên.

Trong ngày 26/7/2024, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Trần Đề, tỉnh Sóc Trăng xét xử sơ thẩm, công khai vụ án thụ lý số 147/2024/TLST-HNGĐ ngày 02/5/2024 về việc “Ly hôn và tranh chấp nuôi con khi ly hôn”, theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 74/2024/QĐXXST-HNGĐ ngày 10/7/2024 giữa các đương sự:

- *Nguyên đơn:* Bà Trần Quốc H; Sinh năm 1988; Địa chỉ: Khu tái định cư, ấp Đ, thị trấn Trần Đề, huyện T, tỉnh Sóc Trăng; Địa chỉ liên hệ: Ấp P, xã P, huyện C, tỉnh Sóc Trăng (có đơn xin xét xử vắng mặt).

- *Bị đơn:* Ông Cô Minh Đ1; Sinh năm 1985; Địa chỉ: Ấp Đ, thị trấn T, huyện T, tỉnh Sóc Trăng (có đơn xin xét xử vắng mặt).

NỘI DUNG VỤ ÁN:

* Theo đơn khởi kiện do bà Trần Quốc H lập ngày 23/4/2024 cũng như trong quá trình giải quyết vụ án nguyên đơn bà Trần Quốc H trình bày như sau: Bà và ông C Minh Đ1 kết hôn với nhau vào năm 2011 trên cơ sở tự nguyện, có đi đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân T2, huyện T, tỉnh Sóc Trăng và được cấp giấy chứng kết hôn ngày 29/3/2011. Sau khi kết hôn vợ chồng sống với nhau hạnh phúc đến năm 2022 thì phát sinh mâu thuẫn nguyên nhân là do vợ chồng bất đồng quan điểm sống, thường hay cãi nhau, cuộc sống vợ chồng không còn hạnh phúc như trước và ông Đ1 thường hay hăm dọa, đánh đập bà nên bà phải bỏ về nhà cha mẹ sống, do đó vợ chồng đã ly thân từ tháng 4 năm 2022 cho đến nay.

Trong thời gian chung sống bà và ông **C Minh Đ1** có 02 đứa con chung tên **Cô Minh K**, sinh ngày 23/9/2011 và **Cô Minh T**, sinh ngày 10/5/2015 và hiện nay cháu **K, T** đang sống với ông **Đ1**; Về tài sản chung, trong quá trình chung sống bà và ông **Đ1** có một số tài sản chung nhưng bà không yêu cầu Tòa án giải quyết; Về nợ chung: không có.

Nay bà **Trần Quốc H** yêu cầu Tòa án giải quyết được ly hôn với ông **Cô Minh Đ1**; Về con chung: Bà **H** yêu cầu được nuôi dưỡng cháu **Cô Minh T1**, sinh ngày 10/5/2015 cho đến khi trưởng thành; Còn về con chung **Cô Minh K**, sinh ngày 23/9/2011 bà đồng ý giao cháu **K** cho ông **C Minh Đ1** nuôi dưỡng đến thành niên và bà không yêu cầu ông **C Minh Đ1** cấp dưỡng nuôi cháu **T1**; Về tài sản chung: Bà và ông **Đ1** tự thỏa thuận không yêu cầu Tòa án giải quyết; Về nợ chung: Không có nên không yêu cầu Tòa án giải quyết.

* Đối với bị đơn ông **C Minh Đ1** trình bày tại Biên bản lấy khai ngày 18/6/2024 ông **Đ1** thống nhất với nội dung khởi kiện của nguyên đơn về thời gian kết hôn, con chung, nợ chung và con chung nhưng qua yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn ông có ý kiến như sau:

- Về quan hệ hôn nhân: Ông đồng ý ly hôn theo yêu cầu của nguyên đơn nhưng bà **H** cho rằng ông bạo lực gia đình là không đúng.

- Về con chung: Bà **H** yêu cầu được nuôi cháu **Cô Minh T1**, sinh ngày 10/5/2015 cho đến khi trưởng thành thì ông không đồng ý vì hiện nay cháu **T1** đang sống với ông. Còn cháu **Cô Minh K**, sinh ngày 23/9/2011 bà **H** đồng ý giao cháu **K** cho ông nuôi dưỡng đến thành niên và bà **H** không cấp dưỡng nuôi cháu **K** ông đồng ý. Do đó, ông yêu cầu được nuôi **Cô Minh K**, sinh ngày 23/9/2011 và **Cô Minh T1**, sinh ngày 10/5/2015 đến trưởng thành và không yêu cầu bà **H** cấp dưỡng nuôi con chung.

- Về tài sản chung: Ông và bà **H** tự thỏa thuận không yêu cầu Tòa án giải quyết;

- Về nợ chung: Không có nên không yêu cầu Tòa án giải quyết.

* Tại phiên tòa hôm nay, đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Trần Đề xác định: Trong quá trình giải quyết vụ án, Thẩm phán và Hội đồng xét xử đã chấp hành đúng pháp luật tố tụng dân sự. Từ khi Tòa án thụ lý vụ án đến tại phiên tòa hôm nay, các đương sự thực hiện đúng quy định của Bộ luật tố tụng dân sự, Theo các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án thì Kiểm sát viên đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn về việc ly hôn, về con chung đề nghị giao **Cô Minh K**, sinh ngày 23/9/2011 và **Cô Minh T1**, sinh ngày 10/5/2015 cho ông **C Minh Đ1** nuôi dưỡng đến trưởng thành và bà **H** cấp dưỡng nuôi con chung, về tài sản và nợ chung các đương sự không yêu cầu giải quyết nên không đặt ra xem xét

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về thủ tục tố tụng:

[2] Về thẩm quyền giải quyết vụ án: Theo đơn khởi kiện lập ngày 23/4/2024, bà **Trần Quốc H** yêu cầu Tòa án giải quyết ly hôn với ông **Cô Minh Đ1** có nơi cư trú tại **ấp Đ, thị trấn T, huyện T, tỉnh Sóc Trăng**. Căn cứ vào khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35 và điểm a khoản 1 Điều 39 của Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015, Hội đồng xét xử xác định việc Tòa án nhân dân huyện Trần Đề thụ lý, giải quyết vụ án theo trình tự sơ thẩm là đúng quy định của pháp luật về thẩm quyền giải quyết vụ án.

[3] Về xét xử vắng mặt đương sự: Tại phiên tòa, nguyên đơn **Trần Quốc H** và bị đơn **Cô Minh Đ1** có đơn xin xét xử vắng mặt, Do đó, căn cứ vào khoản 1 Điều 227; khoản 1 Điều 228 và Điều 235 của Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015. Hội đồng xét xử quyết định tiến hành xét xử vụ án.

[4] Xét yêu cầu của nguyên đơn bà **Trần Quốc H**:

[5] Về quan hệ hôn nhân: Bà **Trần Quốc H** và ông **Cô Minh Đ1** tự nguyện kết hôn với nhau có đi đăng ký kết hôn tại **Ủy ban nhân dân T2, huyện T, tỉnh Sóc Trăng** và được cấp giấy chứng kết hôn ngày 29/3/2011 nên quan hệ hôn nhân giữa bà **Trần Quốc H** và ông **Cô Minh Đ1** là hợp pháp. Nhưng sau khi kết hôn vợ chồng chung sống hạnh phúc được một thời gian ngắn thì phát sinh mâu thuẫn nguyên nhân là do vợ chồng thường hay cãi nhau, cuộc sống vợ chồng không hạnh phúc cho nên đến tháng 4 năm 2022 thì vợ chồng sống ly thân đến nay. Trong thời gian ly thân, vợ chồng cũng không thể hàn gắn tình cảm vợ chồng và bà **Trần Quốc H** làm đơn khởi kiện để xin ly hôn tại Tòa án. Sau khi thụ lý vụ án, Tòa án đã tổ chức hòa giải để động viên vợ chồng bà **H**, ông **Đ1** đoàn tụ với nhau, tuy nhiên phía bà **H** có đơn không tiến hành hòa giải và yêu cầu giải quyết vắng mặt nên Tòa án không tiến hành hòa giải được. Như vậy, tình trạng hôn nhân của vợ chồng bà **Trần Quốc H** và ông **Cô Minh Đ1** đã trở nên trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích của hôn nhân không đạt được. Vì vậy, xét việc bà **H** xin ly hôn là có căn cứ và phù hợp với quy định tại khoản 1 Điều 56 của Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014, nên Hội đồng xét xử chấp nhận.

[6] Về con chung: Trong thời gian sống chung bà **Trần Quốc H** và ông **Cô Minh Đ1** có 02 người con chung là **Cô Minh K**, sinh ngày 23/9/2011 và **Cô Minh T1**, sinh ngày 10/5/2015 và hiện nay cháu **K, T1** đang sống với ông **Đ1**. Bà **H** yêu cầu được nuôi cháu **Cô Minh T1**, sinh ngày 10/5/2015 cho đến khi trưởng thành, còn cháu **Cô Minh K**, sinh ngày 23/9/2011 bà **H** đồng ý giao cháu **K** cho ông **Đ1** nuôi dưỡng đến thành niên và bà **H** không cấp dưỡng nuôi cháu **K** nhưng ông **Cô Minh Đ1** cũng yêu cầu được nuôi **Cô Minh K**, sinh ngày 23/9/2011 và **Cô Minh T1**, sinh ngày 10/5/2015 đến trưởng thành vì từ ngày ly thân cho đến nay cháu **K, T1** sống với ông và ông **Đ1** không yêu cầu bà **H** cấp dưỡng nuôi con chung.

Xét thấy, từ ngày bà **H**, ông **Đ1** ly thân cho đến nay cháu **K**, **T1** sống với ông **Đ1**, ông **Đ1** vẫn đảm bảo cuộc sống của các cháu và để tránh cuộc sống của các cháu bị xáo trộn khi cha mẹ ly hôn nên cần ổn định cuộc sống hiện tại cho các cháu. Cho nên việc ông **Đ1** yêu cầu nó còn phù hợp với quy định tại Điều 81 của Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014 về điều kiện trông nom, chăm sóc, giáo dục, nuôi dưỡng con chưa thành niên của ông **Đ1** cũng như nguyện vọng của các cháu **K**, **T1** là muốn sống với ông **Đ1** nếu cha mẹ ly hôn. Vì vậy, Hội đồng xét xử giao các cháu **Cô Minh K**, sinh ngày 23/9/2011 và **Cô Minh T1**, sinh ngày 10/5/2015 cho ông **Cô Minh Đ1** trực tiếp nuôi dưỡng đến khi thành niên (đủ 18 tuổi).

[7] Về cấp dưỡng nuôi con: Ông **Cô Minh Đ1** xác định hiện nay có điều kiện kinh tế thu nhập ổn định và đủ khả năng để nuôi dưỡng các cháu **K**, **T1** nên không yêu cầu bà **Trần Quốc H** cấp dưỡng cho con chung (ông **Đ1** hiện là giáo viên đang công tác tại **Trường Tiểu học thị trấn T**). Vì vậy, Hội đồng xét xử không buộc bà **Trần Quốc H** cấp dưỡng nuôi con chung.

[8] Tài sản chung và nợ chung: Các đương sự không yêu cầu Tòa án giải quyết về tài sản chung và nợ chung, nên không đặt ra xem xét.

[9] Về án phí: Căn cứ vào khoản 4 Điều 147 của Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015 và điểm a khoản 5 Điều 27 của Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14, ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội, quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án, bà **Trần Quốc H** chịu án phí dân sự sơ thẩm đối với vụ án ly hôn là 300.000 đồng. Ông **Cô Minh Đ1** không phải chịu án phí dân sự sơ thẩm.

[12] Về quyền kháng cáo bản án: Căn cứ vào Điều 271 và khoản 1 Điều 273 của Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015, các đương sự có quyền kháng cáo bản án này trong thời hạn 15 (Mười lăm) ngày, kể từ ngày nhận được bản án hoặc ngày Tòa án tổng đạt hợp lệ.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

* **Căn cứ:** khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39 của Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015; khoản 1 Điều 56, Điều 81, Điều 82 và Điều 83 của Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014; điểm a khoản 5 Điều 27 của Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14, ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội, quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

* **Tuyên xử:**

- Về hôn nhân: Bà **Trần Quốc H** được ly hôn với ông **Cô Minh Đ1**.
- Về con chung: Giao cho ông **Cô Minh Đ1** trực tiếp nuôi dưỡng con chung của bà **Trần Quốc H** và ông **Cô Minh Đ1** là các cháu **Cô Minh K**, sinh ngày 23/9/2011 và **Cô Minh T1**, sinh ngày 10/5/2015 cho đến khi thành niên (đủ 18 tuổi). Hiện nay cháu **K**, **T1** đang sống chung với ông **Cô Minh Đ1**.

Bà **Trần Quốc H** có quyền, nghĩa vụ thăm nom các cháu **K**, **T1** mà không ai được cản trở. Bà **Trần Quốc H** không được lạm dụng việc thăm nom để cản trở

hoặc gây ảnh hưởng xấu đến việc trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục các cháu **K, T1** của ông **Cô Minh Đ1**.

Về cấp dưỡng nuôi con: Ông **Cô Minh Đ1** không yêu cầu bà **Trần Quốc H** cấp dưỡng cho con chung. Vì vậy, Hội đồng xét xử không buộc bà **Trần Quốc H** cấp dưỡng nuôi con chung.

- Về tài sản chung: Các đương sự không yêu cầu Tòa án giải quyết về tài sản chung, nên không đặt ra xem xét.

- Về nợ chung: Các đương sự không yêu cầu Tòa án giải quyết về nợ chung, nên không đặt ra xem xét.

- Về án phí dân sự sơ thẩm: Căn cứ vào khoản 4 Điều 147 của Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015 và điểm a khoản 5 Điều 27 của Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14, ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội, quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

+ Bà **Trần Quốc H** chịu án phí dân sự sơ thẩm đối với vụ án ly hôn là 300.000 đồng (Ba trăm ngàn đồng), nhưng được khấu trừ vào số tiền tạm ứng án phí đã nộp là 300.000 đồng (Ba trăm ngàn đồng) theo Biên lai thu tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số 0004171, ngày 23/4/2024 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Trần Đề, tỉnh Sóc Trăng, bà **Trần Quốc H** đã thực hiện xong.

+ Ông **Cô Minh Đ1** không phải chịu án phí dân sự sơ thẩm.

- Về quyền kháng cáo bản án: Căn cứ vào Điều 271 và khoản 1 Điều 273 của Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015, các đương sự có quyền kháng cáo bản án này trong thời hạn 15 (Mười lăm) ngày, kể từ ngày nhận được bản án hoặc ngày Tòa án thông đạt hợp lệ.

Nơi nhận:

- TAND tỉnh Sóc Trăng (P.KTNV & THA);
- VKSND huyện Trần Đề;
- UBND thị trấn Trần Đề, huyện Trần Đề, tỉnh Sóc Trăng;
- Chi cục THADS huyện Trần Đề;
- Các bên đương sự;
- Lưu (HSVA & TA).

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
Thẩm phán-Chủ tọa phiên tòa

Lý Công Minh